

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

*Báo cáo tài chính*

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-05
Báo cáo kiểm toán	06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-28
Bảng cân đối kế toán	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-28

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ./.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

---

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 53.562.130.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương 5.356.213 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

### **Các đơn vị thành viên:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	Số 105A, Đường Âu Cơ, Phường 14. Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	Số 47/4, Đường Âu Cơ, Phường 9, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	Số 169/8, Đường Cách mạng tháng 8, Phường 7, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm thương mại - Alta Plaza	Số 91B2, Đường Phạm văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Các công ty con:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Số 91B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Lô số 14-16, Đường số 03, KCN Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### **Các công ty liên doanh, liên kết:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An	Số 11, Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

---

### **Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Ông Nguyễn Quang Khương	Giám đốc Kinh doanh
Bà Lê Thị Thiệt	Giám đốc Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Nhân sự

### **Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Ủy viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

---

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2010*

**TM. Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

**Hoàng Văn Điều**

Số: 117/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình được lập ngày 16 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)  
Phó Tổng giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Vũ Xuân Biền**  
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>100</b>	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>118.061.252.414</b>	<b>101.174.157.858</b>
<b>110</b>	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>28.481.318.690</b>	<b>14.180.258.696</b>
111	1 Tiền		20.481.318.690	14.180.258.696
112	2 Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>17.058.160.000</b>	<b>11.208.160.000</b>
121	1 Đầu tư ngắn hạn		17.058.160.000	11.208.160.000
<b>130</b>	<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>26.612.801.010</b>	<b>31.256.578.873</b>
131	1 Phải thu của khách hàng		22.096.741.760	27.634.108.421
132	2 Trả trước cho người bán		3.692.910.325	1.954.573.446
135	5 Các khoản phải thu khác	5	1.823.520.721	2.728.195.849
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.000.371.796)	(1.060.298.843)
<b>140</b>	<b>IV Hàng tồn kho</b>		<b>44.917.406.161</b>	<b>39.699.203.511</b>
141	1 Hàng tồn kho	6	44.917.406.161	39.699.203.511
<b>150</b>	<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>991.566.553</b>	<b>4.829.956.778</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		278.829.065	1.603.793.524
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		333.531.489	3.051.547.412
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	974.830
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		379.205.999	173.641.012
<b>200</b>	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>146.544.577.365</b>	<b>147.903.730.128</b>
<b>220</b>	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>84.709.092.714</b>	<b>133.860.758.029</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	77.471.993.373	89.988.008.664
222	- Nguyên giá		127.500.851.428	137.900.103.239
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(50.028.858.055)	(47.912.094.575)
227	3 Tài sản cố định vô hình	8	4.598.175.341	4.959.692.103
228	- Nguyên giá		6.463.444.293	6.442.944.293
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.865.268.952)	(1.483.252.190)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.638.924.000	38.913.057.262
<b>240</b>	<b>III Bất động sản đầu tư</b>	10	<b>37.238.354.772</b>	<b>-</b>
241	- Nguyên giá		40.206.111.155	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.967.756.383)	-
<b>250</b>	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	11	<b>22.522.329.200</b>	<b>11.540.739.200</b>
251	1 Đầu tư vào công ty con		17.700.000.000	6.700.000.000
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.700.000.000	4.700.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	140.739.200
<b>260</b>	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.074.800.679</b>	<b>2.502.232.899</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	2.074.800.679	2.502.232.899
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>264.605.829.779</b>	<b>249.077.887.986</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>300</b>	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>63.509.415.424</b>	<b>52.690.487.076</b>
<b>310</b>	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>63.488.919.024</b>	<b>52.690.487.076</b>
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	13	38.003.294.861	22.093.936.557
312	2 Phải trả người bán		11.585.861.702	16.302.803.601
313	3 Người mua trả tiền trước		3.737.221.053	3.358.718.567
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	824.522.074	525.388.795
315	5 Phải trả người lao động		1.343.141.687	1.544.318.897
316	6 Chi phí phải trả	15	496.667.308	994.337.410
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	7.498.210.339	7.870.983.249
<b>330</b>	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>20.496.400</b>	<b>-</b>
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		20.496.400	-
<b>400</b>	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>201.096.414.355</b>	<b>196.387.400.910</b>
<b>410</b>	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>200.642.446.312</b>	<b>195.801.597.416</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.130.000	49.339.050.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.814.255.352
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		1.492.141.699	1.492.141.699
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(7.940.239.597)	(7.938.039.597)
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.170.673.115)	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		489.130.439	489.130.439
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		2.469.090.316	2.272.132.596
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.915.702.127	4.332.926.927
<b>430</b>	<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>453.968.043</b>	<b>585.803.494</b>
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		453.968.043	585.803.494
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>264.605.829.779</b>	<b>249.077.887.986</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH****Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh****Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
4 Nợ khó đòi đã xử lý		497.812.616	273.235.832
5 Ngoại tệ các loại			
- USD		156.198,15	64.205,38
- EURO		528,42	538,68

*Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Hoàng Thị Mai Trâm****Nguyễn Thị Hồng Diệp****Hoàng Văn Điều**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	152.895.905.632	188.168.678.128
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		723.865.970	278.923.603
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.172.039.662	187.889.754.525
11	4 Giá vốn hàng bán	19	138.253.402.459	173.921.521.608
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.918.637.203	13.968.232.917
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	5.380.655.326	5.507.673.526
22	7 Chi phí tài chính	21	5.221.248.124	4.675.840.794
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.656.620.199	1.356.506.282
24	8 Chi phí bán hàng		1.211.604.953	755.211.780
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.198.774.010	4.166.619.408
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		9.667.665.442	9.878.234.461
31	11 Thu nhập khác		4.903.552.210	12.440.075.890
32	12 Chi phí khác		4.551.427.425	9.766.726.321
40	13 Lợi nhuận khác		352.124.785	2.673.349.569
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.019.790.227	12.551.584.030
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.261.261.867	1.695.132.307
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.758.528.360	10.856.451.723

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Điệp

Hoàng Văn Điều

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		10.019.790.227	12.551.584.030
02	Khấu hao tài sản cố định		14.099.825.777	12.094.491.053
03	Các khoản dự phòng		(59.927.047)	295.473.390
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		237.332.010	909.931.314
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(988.453.479)	(6.221.549.465)
06	Chi phí lãi vay		1.656.620.199	1.356.506.282
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.965.187.687	20.986.436.604
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		7.540.345.244	(11.939.392.499)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.218.202.650)	9.307.030.284
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.233.797.122)	4.743.840.014
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		1.752.396.679	(2.806.585.192)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.693.386.532)	(1.413.752.282)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.103.824.768)	(1.927.239.365)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.203.636.380	375.140.815
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.438.898.646)	(1.470.985.936)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.773.456.272	15.854.492.443
	<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(14.562.690.569)	(50.286.766.966)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.904.400.000	7.509.350.189
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(8.650.000.000)	(3.848.720.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.800.000.000	19.270.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11.000.000.000)	(10.677.268.756)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.410.000	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.033.979.793	2.879.448.324
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.455.900.776)	(35.153.957.209)
	<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(7.899.089.597)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		73.966.142.912	56.196.683.412
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(58.056.784.608)	(43.497.645.068)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.876.924.000)	(7.607.202.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.032.434.304	(2.807.253.253)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		14.349.989.800	(22.106.718.019)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.180.258.696	36.216.953.623
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(48.929.806)	70.023.092
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>28.481.318.690</b>	<b>14.180.258.696</b>

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Điệp

Hoàng Văn Điều

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2009**

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

#### **Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh</b>
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xốp
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất phim
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh đồ chơi
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh băng đĩa nhạc
- Trung tâm thương mại - Alta Plaza	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh và cho thuê mặt bằng

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Công ty có các công ty con sau:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh</b>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	TP Hồ Chí Minh	Công nghệ, truyền thông
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	Sản xuất, dịch vụ
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương (SUNET)	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, dịch vụ

#### **Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh</b>
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP Hồ Chí Minh	In ấn, quảng cáo
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An	TP Hồ Chí Minh	Y tế, bệnh viện

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đòi sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ./.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	48 năm

#### **Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; chi phí trước hoạt động
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư thông qua đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên.

#### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2009, Công ty đang được giảm 50% thuế TNDN với mức thuế suất áp dụng là 25%. Dự án nâng cao năng suất xưởng Bao bì nhựa được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông Tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

### **Thay đổi chính sách kế toán trong năm**

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	9.776.769.280	1.770.635.656
Tiền gửi ngân hàng	10.704.549.410	12.409.623.040
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.481.318.690</b>	<b>14.180.258.696</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - SGD của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình căn cứ hai Thỏa thuận đầu tư linh hoạt giữa 2 bên.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	17.058.160.000	11.208.160.000
<b>Cộng</b>	<b>17.058.160.000</b>	<b>11.208.160.000</b>

(\*) Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản cho tổ chức và cá nhân vay tiền, trong đó:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyễn Xuân Sơn	400.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Bảo Thu	2.500.000.000	-
Phạm Ngọc Thu	1.750.000.000	1.750.000.000
Phạm Đức Minh	3.280.000.000	3.280.000.000
Lê Thị Hồng Châu	4.120.000.000	4.120.000.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Kinh Thương	2.358.160.000	1.358.160.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Bách Hợp	2.500.000.000	-
Đào Thu Thủy	150.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.058.160.000</b>	<b>11.208.160.000</b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376.000.000	-
Phải thu về cho vay vốn	700.000.000	-
Phải thu về lãi vay của các đối tượng	379.359.100	496.390.000
Phải thu về thuế GTGT được hoàn	-	1.957.604.127
Phải thu khác	368.161.621	274.201.722
<b>Cộng</b>	<b>1.823.520.721</b>	<b>2.728.195.849</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.656.406.156	22.138.473.511
Công cụ, dụng cụ	859.745.843	843.836.250
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.109.995.618	678.496.605
Thành phẩm	15.003.840.569	14.409.528.912
Hàng hoá	1.287.417.975	1.628.868.233
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>44.917.406.161</b>	<b>39.699.203.511</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>21.675.818.680</b>	<b>113.857.880.366</b>	<b>1.736.786.900</b>	<b>523.359.193</b>	<b>106.258.100</b>	<b>137.900.103.239</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>1.067.005.355</b>	<b>2.413.216.790</b>	-	<b>22.791.058</b>	-	<b>3.503.013.203</b>
- Mua sắm mới	-	2.413.216.790	-	22.791.058	-	2.436.007.848
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.067.005.355	-	-	-	-	1.067.005.355
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>269.200.000</b>	<b>13.206.784.729</b>	<b>284.019.048</b>	<b>142.261.237</b>	-	<b>13.902.265.014</b>
- Chuyển sang BĐSĐT	-	712.338.661	-	-	-	712.338.661
- Thanh lý, nhượng bán	269.200.000	12.494.446.068	284.019.048	142.261.237	-	13.189.926.353
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>22.473.624.035</b>	<b>103.064.312.427</b>	<b>1.452.767.852</b>	<b>403.889.014</b>	<b>106.258.100</b>	<b>127.500.851.428</b>
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>5.388.083.179</b>	<b>41.692.430.493</b>	<b>550.676.296</b>	<b>272.935.251</b>	<b>7.969.356</b>	<b>47.912.094.575</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>1.478.283.847</b>	<b>8.880.117.839</b>	<b>311.392.460</b>	<b>69.632.678</b>	<b>10.625.808</b>	<b>10.750.052.632</b>
- Trích khấu hao	1.478.283.847	8.880.117.839	311.392.460	69.632.678	10.625.808	10.750.052.632
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>193.561.465</b>	<b>8.250.129.942</b>	<b>47.336.508</b>	<b>142.261.237</b>	-	<b>8.633.289.152</b>
- Chuyển sang BĐSĐT	-	49.467.965	-	-	-	49.467.965
- Thanh lý, nhượng bán	193.561.465	8.200.661.977	47.336.508	142.261.237	-	8.583.821.187
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>6.672.805.561</b>	<b>42.322.418.390</b>	<b>814.732.248</b>	<b>200.306.692</b>	<b>18.595.164</b>	<b>50.028.858.055</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Đầu năm</b>	<b>16.287.735.501</b>	<b>72.165.449.873</b>	<b>1.186.110.604</b>	<b>250.423.942</b>	<b>98.288.744</b>	<b>89.988.008.664</b>
<b>2. Cuối năm</b>	<b>15.800.818.474</b>	<b>60.741.894.037</b>	<b>638.035.604</b>	<b>203.582.322</b>	<b>87.662.936</b>	<b>77.471.993.373</b>

*Trong đó*

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.746.795.006 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	6.237.885.093	205.059.200	6.442.944.293
2. Số tăng trong năm	-	20.500.000	20.500.000
- Mua sắm mới	-	20.500.000	20.500.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	6.237.885.093	225.559.200	6.463.444.293
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	1.379.386.345	103.865.845	1.483.252.190
2. Số tăng trong năm	352.147.972	29.868.790	382.016.762
- Trích khấu hao	352.147.972	29.868.790	382.016.762
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.731.534.317	133.734.635	1.865.268.952
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu năm	4.858.498.748	101.193.355	4.959.692.103
2. Cuối năm	4.506.350.776	91.824.565	4.598.175.341

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.179.330.000	38.368.986.123
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	817.409.660	38.251.713.396
- Dự án Cao ốc Văn phòng	1.156.943.952	117.272.727
- Dự án Xưởng Đan - Việt	204.976.388	-
Mua sắm tài sản cố định	234.180.000	234.180.000
- Chuyển giao thương quyền (thương hiệu Quaker)	234.180.000	234.180.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	225.414.000	309.891.139
- Nâng cấp TSCĐ (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	225.414.000	294.891.139
- Sửa chữa TSCĐ (Xí nghiệp In bao bì)	-	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.638.924.000</b>	<b>38.913.057.262</b>

**10 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm
<b>I. Nguyên giá</b>	-	40.206.111.155	-	40.206.111.155
Cơ sở hạ tầng	-	40.206.111.155	-	40.206.111.155
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	-	2.967.756.383	-	2.967.756.383
Cơ sở hạ tầng	-	2.967.756.383	-	2.967.756.383
<b>III. Giá trị còn lại</b>	-	37.238.354.772	-	37.238.354.772
Cơ sở hạ tầng	-	37.238.354.772	-	37.238.354.772

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	17.700.000.000	6.700.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Alta - Tân Đức	10.600.000.000	4.700.000.000
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (Sunet)	5.100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	140.739.200
<b>Cộng</b>	<b>22.522.329.200</b>	<b>11.540.739.200</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (Sunet)	Thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ
Công ty TNHH Một thành viên Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	100%	100%	Sản xuất, dịch vụ

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo
Công ty Cổ phần Y Khoa Song An (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(\*) Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Công ty Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	81.239.200
Đầu tư cổ phiếu Công ty Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
<b>Cộng</b>	<b>122.329.200</b>	<b>140.739.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	44.980.888	29.719.984
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	-	28.947.671
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (*)	1.034.059.104	1.070.081.218
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	818.028.348	1.277.487.536
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Ly giấy	41.147.568	-
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Thẻ Đạn - Việt	120.055.260	-
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	16.529.511	95.996.490
<b>Cộng</b>	<b>2.074.800.679</b>	<b>2.502.232.899</b>

(\*) Chi tiết gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2009 là 958.420.569 VND;

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHQQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 75.638.535 VND

**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	38.003.294.861	22.093.936.557
- Vay Ngân hàng TM Á Châu - SGD và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (*)	38.003.294.861	22.093.936.557
<b>Cộng</b>	<b>38.003.294.861</b>	<b>22.093.936.557</b>

**Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay**

(\*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 63423689 ngày 05/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch và Công ty CP Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định: Hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng; Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay của số tiền nhận nợ sẽ được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ, tối đa không quá 09 tháng; Nợ gốc được hoàn trả nhiều lần; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, tiền lãi được trả hàng tháng.

(\*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0188/TaB1/09LD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định: Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng; Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 12/8/2010, thời hạn vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 6 tháng, tổng thời hạn cho vay bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng; Lãi suất vay được thông báo tại thời điểm nhận nợ, lãi vay được tính và trả vào ngày 26 hàng tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5.959.770	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	790.018.148	467.390.288
Thuế Thu nhập cá nhân	28.544.156	57.998.507
<b>Cộng</b>	<b>824.522.074</b>	<b>525.388.795</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả	166.724.667	203.491.000
Trích trước tiền thuê mặt bằng	194.335.349	109.090.908
Trích trước tiền điện sản xuất, phí bảo hiểm tài sản	121.978.136	171.755.502
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	345.000.000
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	120.000.000
Trích trước chi phí đại tu sửa chữa tài sản cố định	-	45.000.000
Chi phí khác	13.629.156	-
<b>Cộng</b>	<b>496.667.308</b>	<b>994.337.410</b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	58.274.293
Bảo hiểm xã hội	80.156.440	75.385.104
Bảo hiểm y tế	-	9.451.944
Phải trả, phải nộp khác	7.418.053.899	7.727.871.908
- <i>Phải trả ngân sách</i>	<i>5.867.788.813</i>	<i>5.932.456.813</i>
- <i>Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu</i>	<i>1.491.315.664</i>	<i>824.713.120</i>
- <i>Phải trả Alta Media</i>	<i>-</i>	<i>900.000.000</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>58.949.422</i>	<i>70.701.975</i>
<b>Cộng</b>	<b>7.498.210.339</b>	<b>7.870.983.249</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>39.951.250.000</b>	<b>145.814.255.352</b>	<b>5.007.654.192</b>	<b>(38.950.000)</b>	<b>1.316.055.862</b>	<b>1.887.533.829</b>	<b>6.946.885.877</b>	-	<b>200.884.685.112</b>
Tăng vốn trong năm trước	9.387.800.000	-	-	-	-	-	-	-	9.387.800.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.856.451.723	-	10.856.451.723
Tăng khác	-	-	2.191.638.859	(7.899.089.597)	2.853.723.225	408.472.294	-	-	(2.445.255.219)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	5.707.151.352	-	3.680.648.648	23.873.527	13.470.410.673	-	22.882.084.200
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>49.339.050.000</b>	<b>145.814.255.352</b>	<b>1.492.141.699</b>	<b>(7.938.039.597)</b>	<b>489.130.439</b>	<b>2.272.132.596</b>	<b>4.332.926.927</b>	-	<b>195.801.597.416</b>
Tăng vốn trong năm nay	4.223.080.000	-	-	-	-	-	-	-	4.223.080.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	8.758.528.360	-	8.758.528.360
Tăng khác	-	10.909.091	-	(2.200.000)	-	537.874.580	-	-	546.583.671
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	340.916.860	7.175.753.160	1.170.673.115	8.687.343.135
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>53.562.130.000</b>	<b>145.825.164.443</b>	<b>1.492.141.699</b>	<b>(7.940.239.597)</b>	<b>489.130.439</b>	<b>2.469.090.316</b>	<b>5.915.702.127</b>	<b>(1.170.673.115)</b>	<b>200.642.446.312</b>

(\*) Giảm khác trong năm của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Trích cô tức năm 2008 đợt 3 (4%):	1.876.924.000	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2008:	537.874.580	VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2008:	537.874.580	VND
- Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu	4.223.080.000	VND
<b>Tổng</b>	<b>7.175.753.160</b>	<b>VND</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	6.519.830.000	12,17%	5.981.500.000	12,12%
Vốn góp của đối tượng khác	47.042.300.000	87,83%	43.357.550.000	87,88%
<b>Cộng</b>	<b>53.562.130.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>49.339.050.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.130.000	49.339.050.000
- Vốn góp đầu năm	49.339.050.000	39.951.250.000
- Vốn góp tăng trong năm	4.223.080.000	9.387.800.000
- Vốn góp cuối năm	53.562.130.000	49.339.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.100.004.000	7.608.104.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.876.924.000	3.101.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	4.223.080.000	4.506.144.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	16%	-

(\*)Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01-01/NQĐHCĐ/2009 ngày 26 tháng 03 năm 2009

**d) Cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.213	4.933.905
- Cổ phiếu phổ thông	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu được mua lại	241.815	241.595
- Cổ phiếu phổ thông	241.815	241.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.114.398	4.692.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.114.398	4.692.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	489.130.439	489.130.439
Quỹ dự phòng tài chính	2.469.090.316	2.272.132.596
<b>Cộng</b>	<b>2.958.220.755</b>	<b>2.761.263.035</b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng	132.014.152.821	177.861.967.122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.881.752.811	10.306.711.006
<b>Cộng</b>	<b>152.895.905.632</b>	<b>188.168.678.128</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá	120.189.657.887	164.640.020.676
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.063.744.572	9.281.500.932
<b>Cộng</b>	<b>138.253.402.459</b>	<b>173.921.521.608</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.727.236.893	3.761.207.636
Cổ tức, lợi nhuận được chia	565.712.000	4.050.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.087.706.433	1.685.056.644
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	57.358.546
<b>Cộng</b>	<b>5.380.655.326</b>	<b>5.507.673.526</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	1.656.620.199	1.356.506.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.327.295.915	2.352.044.652
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	237.332.010	967.289.860
<b>Cộng</b>	<b>5.221.248.124</b>	<b>4.675.840.794</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.261.261.867	1.695.132.307
<b>Cộng</b>	<b>1.261.261.867</b>	<b>1.695.132.307</b>

**23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.273.273.212	128.655.473.349
Chi phí nhân công	10.650.284.814	12.157.510.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.099.825.777	12.094.491.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.679.255.691	8.185.046.499
Chi phí khác bằng tiền	2.437.068.046	3.986.942.148
<b>Cộng</b>	<b>139.139.707.540</b>	<b>165.079.464.014</b>

**24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Góp vốn vào công ty			
- Công ty Cổ phần In Thương mại	Công ty liên kết	-	4.700.000.000
- Quảng cáo Âu Lạc			

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,  
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.824.908.091	8.332.447.619
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	180.273.400	-
Cổ tức nhận được			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	564.000.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Năm 2008 VND</b>
Phải thu			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	636.861.096	3.049.070.000

**26 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Hoàng Văn Điều